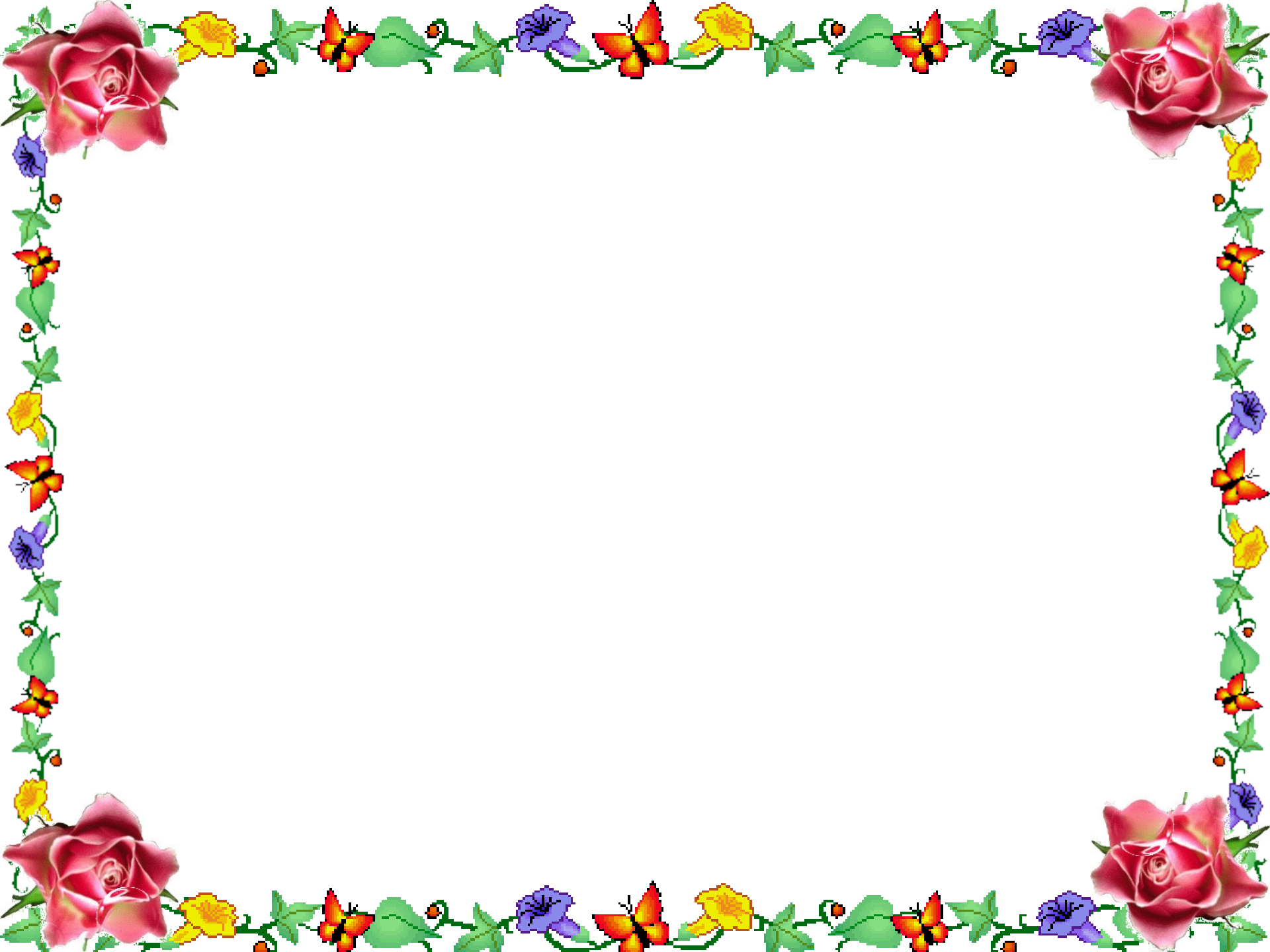

PHÂN HÀNH KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN

NHÓM 3- 08K2

LỚP 08CDK2

Thành viên

1 Nguyễn Thị Ngân

2 Nguyễn Thị Loan

3 Nguyễn Thị Trang

4 Nguyễn Thị Tình

5 Nguyễn Thị Hồng Duyên

6 Nguyễn Thị PhươngThảo

7 Phan Hoài Hương

wallcoo.com

Nội dung :

- *Khái quát Vốn bằng tiền*
- *Hạch toán Vốn bằng tiền*
- *Hình thức ghi sổ kế toán*

I.KHÁI QUÁT VỐN BẰNG TIỀN

KHÁI NIỆM

VBT là bộ phận tài sản lưu động làmchức năng vật ngang giá chung trong các mối quan hệ trao đổi mua bán giữa DN với các đơn vị cá nhân khác.

Vốn bằng tiền là một loại tài sản mà doanh nghiệp nào cũng sử dụng

wallcoo.com
中国原创动漫网 WWW.SOCAC.COM

PHÂN LOẠI :

1. TIỀN VIỆT NAM

2. NGOẠI TỆ

3. VÀNG, BẠC, KIM KHÍ, ĐÁ QUÝ

Wallcoo.Com

II.HẠCH TOÁN VỐN BẰNG TiỀN

1.Đặc điểm kế toán vốn bằng tiền

2. Nguyên tắc hạch toán VBT

Nguyên tắc Tiền tệ thống nhất	Nguyên tắc cập nhật	Nguyên tắc hạch toán ngoại tệ

Wallcoo.Com

HÌNH THỨC GHI SỔ KẾ TOÁN:

1. NHẬT KÝ CHUNG
2. CHỨNG TỪ GHI SỔ

CHỨNG TỪ SỬ DỤNG:

- PHIẾU THU, PHIẾU CHI
- GIẤY BÁO NỢ, GIẤY BÁO CÓ
- BẢNG KÊ CHI TIẾT
- HÓA ĐƠN BÁN HÀNG, HÓA ĐƠN GTGT
- GIẤY THANH TOÁN TẠM ỨNG

HÌNH THỨC NHẬT KÝ CHUNG:

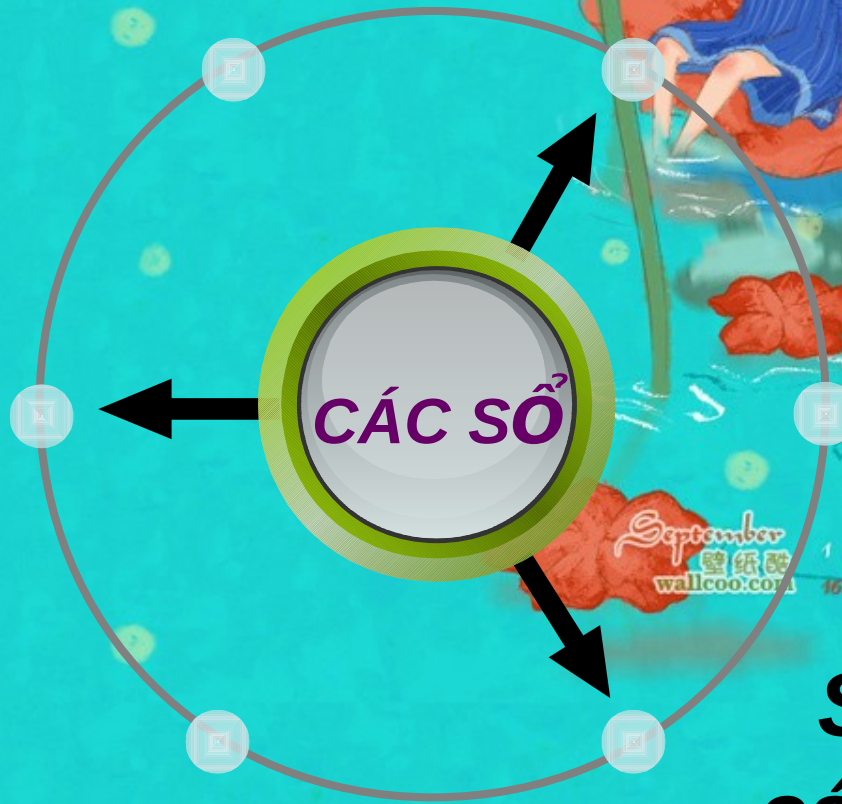

Nhật ký chung

Nhật ký đặc biệt

Sổ cái và các sổ (thẻ) chi tiết

TRÌNH TỰ GHI SỔ

TRÌNH TỰ GHI SỔ KẾ TOÁN VBT

Đơn vị:Công ty cổ phần III **Mẫu số:**

01- TT

Địa chỉ:365 Phan Châu trinh-DN *(Ban hành theo QD số*

15/2006QD- BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU THU Quyển số:……

Ngày…4..tháng…12..năm...N.... Số:…245…….

Nợ1111…..

Có: 711

Họ tên người nộp tiền:……Lê Văn A ……

Địa chỉ:…… Cửa hàng Hòa An……

Lý do nộp:……..Thu tiền bán thanh lý……..

Số tiền:...2000000... ..... (*Viết bằng chữ*)..hai triệu đồng chẵn

Kèm theo:.....01..... Chứng từ gốc:.....

Đã nhận đủ số tiền *(viết bằng chữ*)……Hai triệu đồng chẵn…….

Ngày 4 tháng 12 năm N

Thủ trưởng đơn vị Kế toán trưởng Người lập phiếu Thủ quỹ Người nhận tiền

(ký, họ tên) (ký, họ tên) (ký, họ tên) (ký, họ tên) (ký, họ tên)

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý).....

+ Số tiền quy đổi

Đơn vị: Công ty CP III **Mẫu số: 02- TT**

Địa chỉ:365 Phan Châu Trinh *(Ban hành theo QD số 15/2006QD- BTC Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)*

PHIẾU CHI

Ngày 10 tháng 12 năm N

Quyển số:……

Số:…351.

Nợ:152H..

Có:1111..

Họ tên người nhận tiền:……Trần Mai Anh……

Địa chỉ:……Công ty CP III……..

Lý do chi:…….....Chi tiền mua VLP H……..

Số tiền:...12,100,000.....*(Viết bằng chữ*): mười hai triệu,một trăm ngàn đồng

Kèm theo:HĐ BH 005126 Chứng từ gốc:.....

Đã nhận đủ số tiền (*viết bằng chữ*):..... mười hai triệu,một trăm ngàn đồng y

Ngày 10 tháng 12 năm N

Thủ trưởng đơn vị	**Kế toán trưởng**	**Người lập phiếu**	**Thủ quỹ**	**Người nhận tiền**
(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý).....

+ Số tiền quy đổi.....

GIẤY BÁO NỢ
DEBIT ADVICE

Số/Seq No:001
Ngày/Date:15 /12/N

Số tài khoản/ Account No: 1121
Tên tài khoản/Account Name: Tiền gửi ngân hàng là Việt Nam đồng.
AGRIBANK Hải Châu
Địa chỉ: 21Nguyễn Văn Linh
Tel : 05113.666.888
Our VAT Code: 01002124560221
Kính gửi/To: Công ty Cổ Phần III
Địa chỉ: 365 Phan chu trinh
Mã thuế VAT/ VAT Code: 0301307933-1

Ngân hàng chúng tôi xin trân trọng thông báo: Tài khoản của quý khách hàng đã được ghi "có" với nội dung sau:

Please note that we have today CREDITED your account with the following entries.

Ngày hiệu lực EFFECTIVE DATE	Số tiền AMOUNT	Loại tiền CURENCY	**Diễn giải**/PARTICULARS
15/12/N	100.000.000	VNĐ	Trả nọ người bán

Giao dịch viên/Prepared by

Kiểm soát/Verified by

GIẤY BÁO CÓ
CREDIT ADVICE

Số/Seq No:0005
Ngày/Date: 25/12/N

Số tài khoản/ Account No: 1121
Tên tài khoản/Account Name: Tiền gửi ngân hàng là Việt Nam đồng.
AGRIBANK Hải Châu
Địa chỉ: 21 Nguyễn Văn Linh
Tel : 05113.666.888
Our VAT Code: 01002124560221
Kính gửi/To: Công ty Cổ Phần III
Địa chỉ: 365 Phan chu trinh
Mã thuế VAT/ VAT Code: 0301307933-1
Ngân hàng chúng tôi xin trân trọng thông báo: Tài khoản của quý khách hàng đã được ghi "nơ!" với nội dung sau:
Please note that we have today CREDITED your account with the following entries.

Ngày hiệu lực EFFECTIVE DATE	Số tiền AMOUNT	Loại tiền CURENCY	**Diễn giải**/PARTICULARS
25/12/N	100.000.000	VNĐ	Khách hàng trả nợ

Giao dịch viên/Prepared by

Kiểm soát/Verified by

HỆ THỐNG TÀI KHOẢN VÀ SỐ DƯ ĐẦU KỲ

Số TK	Tên TK	Cấp TK	ĐVT	CT	SL	Dư nợ	Dư có
111	**Tiền mặt**	**1**		**C**		**350,000,000**	
1111	Tiền mặt VND	2				300,000,000	
1112	Tiền mặt USD	2				50,000,000	
112	**Tiền gửi ngân hàng**	**1**		**C**		**200,000,000**	
112CT	Ngân hàng công thương	3				50,000,000	
112NN	Ngân hàng nông nghiệp	3				150,000,000	
131	Phải thu khách hàng	1				200,000,000	
141	**Tạm ứng**	**1**				**15,000,000**	
211	**Tài sản cố định hữu hình**	**1**				**200,000,000**	
311	**Vay ngắn hạn**	**1**					**65,000,000**
331	**Phải trả người bán**	**1**					**500,000,000**
411	Nguồn vốn kinh doanh	1					400,000,000
	TỔNG CỘNG					**965,000,000**	**965,000,000**

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

STT	NGÀY	SỐ CT	DIỄN GIẢI	TK NỢ	TK CÓ	SỐ LG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
1	2	3	4	5	6	7		8
2	1/12/N	PC345	Chi tiền tạm ứng	141	1111			15,000,000
3	2/12/N	PC346	Chi tiên mặt mua máy vi tính	211	1112			26,850,000
4	2/12/N	PC346	Thuế VAT	1332	1112			2,685,000
5	2/12/N	PT244	Rút TGNH về nhập quỹ	1111	1121			90,000,000
6	3/12/N	PC347	Trả lương cho CBCNV	334	1111			75,457,230
7	4/12/N	PC348	Trả tiền mua VLC Z	152Z	1111	6,000	9,600	57,600,000
8	4/12/N	PT245	Thu tiền bán thanh lý	1111	711			2,000,000
9	5/12/N	PC349	Trả tiền mua VLP H	152H	1111	3,000	10,000	30,000,000
10	5/12/N	PT246	Rút TGNH về nhập quỹ	1111	1121			25,000,000
11	8/12/N	PC350	Chi tiền mua VLC Z	152Z	1111	4,000	9,800	39,200,000
12	10/12/N	PC354	Chi mua VLP H	152H	1111	1,100	11,000	12,100,000
13	15/12/N	GBN001	Trả nợ cho người bán	331	112NN			100,000,000
14	20/12/N	GBN002	Rút TGNH về nhập quỹ	1111	112CT			90,000,000
15	25/12/N	GBC0005	Khách hàng trả nợ	112NN	131			100,000,000
16	29/12/N	GBC0006	Khách hàng trả nợ	112CT	131			100,000,000

SỔ CÁI 111

Tên tài khoản: Tiền mặt **TK: 111**

Chứng từ		Diễn giải	STT dòng	TKĐU	Số tiền	
Số	Ngày				Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ			**350,000,000**	**-**
PC345	1/12/N	Chi tiền tạm ứng		141	-	15,000,000
PC346	2/12/N	Chi tiên mặt mua máy vi tính		211	-	26,850,000
PC346	2/12/N	Thuế VAT		1332	-	2,685,000
PT244	2/12/N	Rút TGNH về nhập quỹ		1121	90,000,000	-
PC347	3/12/N	Trả lương cho CBCNV		334	-	75,457,230
PC348	4/12/N	Trả tiền mua VLC Z		152Z	-	57,600,000
PT245	4/12/N	Thu tiền bán thanh lý		711	2,000,000	-
PC349	5/12/N	Trả tiền mua VLP H		152H	-	30,000,000
PT246	5/12/N	Rút TGNH về nhập quỹ		1121	25,000,000	-
PC350	8/12/N	Chi tiền mua VLC Z		152Z	-	39,200,000
PC354	10/12/N	Chi mua VLP H		152H	-	12,100,000
GBN002	20/12/N	Rút TGNH về nhập quỹ		112CT	90,000,000	-
		Cộng số phát sinh			**207,000,000**	**258,892,230**
		Số dư cuối kỳ			**298,107,770**	**-**

SỔ CÁI 112

Tên tài khoản: Tiền gửi ngân hàng

Tài khoản 112

Chứng từ		**Diễn giải**	**STT dòng**	**TKĐU**	**Số tiền**	
Số	**Ngày**				**Nợ**	**Có**
		Số dư đầu kỳ			**200,000,000**	**-**
PT244	2/12/N	Rút TGNH về nhập quỹ		1111	-	90,000,000
PT246	5/12/N	Rút TGNH về nhập quỹ		1111	-	25,000,000
GBN001	15/12/N	Trả nợ cho người bán		331	-	100,000,000
GBN002	20/12/N	Rút TGNH về nhập quỹ		1111	-	90,000,000
GBC0005	25/12/N	Khách hàng trả nợ		131	100,000,000	-
GBC0006	29/12/N	Khách hàng trả nợ		131	100,000,000	-
		Cộng số phát sinh			**200,000,000**	**305,000,000**
		Số dư cuối kỳ			**95,000,000**	**-**

SỔ CHI TIẾT QUỸ TIỀN MẶT-VNĐ

NTGS	SHCT		Diễn giải	TKDU	Thu	Chi	Tồn
	Thu	Chi					
			Số dư đầu kỳ				**300000000**
1/12/N		PC345	Chi tiền tạm ứng	141	-	15,000,000	
2/12/N	PT244		Rút TGNH về nhập quỹ	1121	90,000,000	-	
3/12/N		PC347	Trả lương cho CBCNV	334	-	75,457,230	
4/12/N		PC348	Trả tiền mua VLC Z	152Z	-	57,600,000	
4/12/N	PT245		Thu tiền bán thanh lý	711	2,000,000	-	
5/12/N		PC349	Trả tiền mua VLP H	152H	-	30,000,000	
5/12/N	PT246		Rút TGNH về nhập quỹ	1121	25,000,000	-	
8/12/N		PC350	Chi tiền mua VLC Z	152Z	-	39,200,000	
10/12/N		PC354	Chi mua VLP H	152H	-	12,100,000	
20/12/N	GBN002		Rút TGNH về nhập quỹ	112CT	90,000,000	-	
			Cộng số phát sinh		**207,000,000**	**229,357,230**	
			Số dư cuối kỳ				**277642770**

SỔ CHI TiẾT QUỸ TIỀN MẶT - USD

Tài khoản: **1112**

NTGS	SHCT		Diễn giải	TKDU	Thu	Chi	Tồn
	Thu	Chi					
			Số dư đầu kỳ				**50000000**
2/12/N		PC346	Chi tiên mặt mua máy vi tính	211	-	26,850,000	23,150,000
2/12/N		PC346	Thuế VAT	1332	-	2,685,000	20,465,000
			Cộng số phát sinh		**-**	**29,535,000**	
			Số dư cuối kỳ				**20,465,000**

HÌNH THỨC

CHỨNG TỪ GHI SỔ

CÁC LOẠI SỔ

- **CHỨNG TỪ GHI SỔ**
- **SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ**
- **SỔ CÁI VÀ CÁC SỔ**
- **THẺ KẾ TOÁN CHI TIẾT KHÁC**

TRÌNH TỰ GHI SỔ

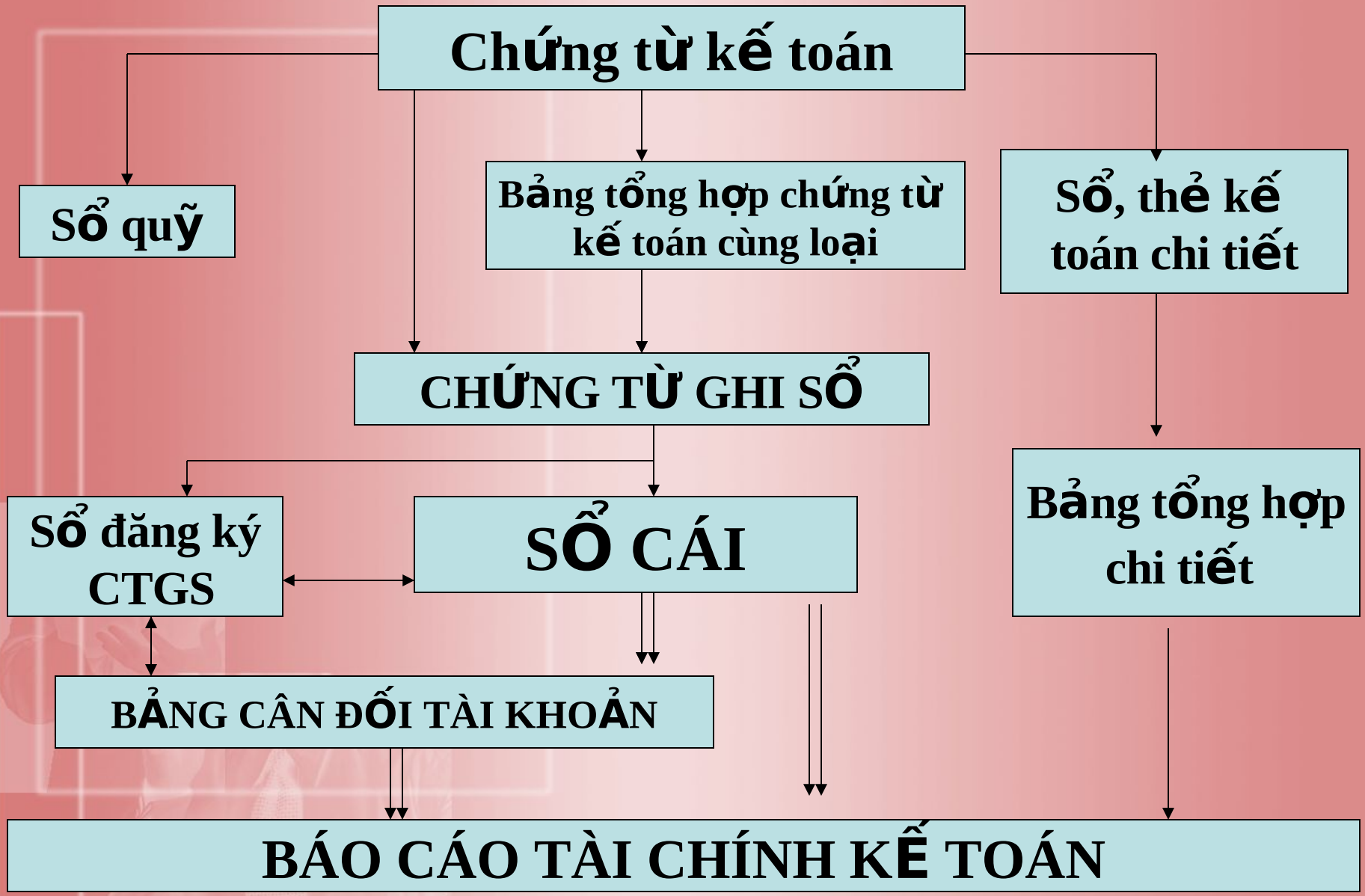

BẢNG KÊ TÀI KHOẢN 111

Chứng từ		Diễn giải	Ghi có TK 111	Ghi có TK 111, ghi nợ các TK liên quan				
Số	Ngày			133	141	152	211	334
PC345	1/12/N	Chi tiền tạm ứng	15,000,000		15,000,000			
PC346	2/12/N	Chi tiên mặt mua máy vi tính	26,850,000				26,850,000	
PC346	2/12/N	Thuế VAT	2,685,000	2,685,000				
PC347	3/12/N	Trả lương cho CBCNV	75,457,230					75,457,230
PC348	4/12/N	Trả tiền mua VLC Z	57,600,000			57,600,000		
PC349	5/12/N	Trả tiền mua VLP H	30,000,000			30,000,000		
PC350	8/12/N	Chi tiền mua VLC Z	39,200,000			39,200,000		
PC354	10/12/N	Chi mua VLP H	12,100,000			12,100,000		
		Cộng	**258,892,230**	**2,685,000**	**15,000,000**	**138,900,000**	**26,850,000**	**75,457,230**

BẢNG KÊ TÀI KHOẢN 112

Chứng từ		Diễn giải	Ghi có TK 112	Ghi có TK 112, ghi nợ các TK liên quan		
Số	Ngày			111	152	331
PT244	2/12/N	Rút TGNH về nhập quỹ	90,000,000	90,000,000		
PT246	5/12/N	Rút TGNH về nhập quỹ	25,000,000	25,000,000		
GBN001	15/12/N	Trả nợ cho người bán	100,000,000			100,000,000
GBN002	20/12/N	Rút TGNH về nhập quỹ	90,000,000	90,000,000		
		Cộng	305,000,000	205,000,000	-	100,000,000

CHỨNG TỪ GHI SỔ SỐ 300
NGÀY 31/12/N

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Chi tiền tạm ứng	141	111	15,000,000	
Chi tiên mặt mua máy vi tính	211		26,850,000	
Thuế VAT	1332		2,685,000	
Trả lương cho CBCNV	334		75,457,230	
Trả tiền mua VLC	152		138,900,000	
CỘNG			**258,892,230**	

CHỨNG TỪ GHI SỔ SỐ: 301

NGÀY 31/12/N

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Rút TGNH về nhập quỹ	1111	112	205,000,000	
Trả nợ cho người bán	331		100,000,000	
CỘNG			305,000,000	

CHỨNG TỪ GHI SỔ SỐ 302
NGÀY 31/12/N

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Thu tiền bán thanh lý	1111		2,000,000	
CỘNG			2,000,000	

SỔ ĐĂNG KÝ CTGS

Chứng từ ghi sổ		
Số	Ngày	Số tiền
		Tháng 12/N
300	31/12/N	258,892,230
301	31/12/N	305,000,000
302	31/12/N	200,000,000
303	31/12/N	2,000,000
	Cộng	765,892,230

SỔ CÁI 111

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số	Ngày			Nợ	Có
			Số dư đầu năm			
			Số dư đầu tháng		**350,000,000**	
31/12/N	301	31/12/N	Rút TGNH về nhập quỹ	112	205,000,000	
31/12/N	303	31/12/N	Thu tiền bán thanh lý	711	2,000,000	
31/12/N	300	31/12/N	Chi tiền tạm ứng	141		15,000,000
31/12/N	300	31/12/N	Chi tiên mặt mua máy vi tính	211		26,850,000
31/12/N	300	31/12/N	Thuế VAT	1332		2,685,000
31/12/N	300	31/12/N	Trả lương cho CBCNV	334		75,457,230
31/12/N	300	31/12/N	Trả tiền mua VLC Z	152Z		96,800,000
31/12/N	300	31/12/N	Trả tiền mua VLP H	152H		42,100,000
			Cộng số phát sinh tháng		**207,000,000**	**258,892,230**
			Số dư cuối tháng		**298,107,770**	
			Cộng lũy kế SPS từ đầu năm			

SỔ CÁI 112

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐU	Số phát sinh	
	Số	Ngày			Nợ	Có
			Số dư đầu năm			
			Số dư đầu tháng		**200,000,000**	
31/12/N	302	31/12/N	Khách hàng trả nợ	131	200,000,000	
31/12/N	301	31/12/N	Rút TGNH về nhập quỹ	111		205,000,000
31/12/N	301	31/12/N	Trả nợ cho người bán	331		100,000,000
			Cộng số phát sinh tháng		**200,000,000**	**305,000,000**
			Số dư cuối tháng		**95,000,000**	
			Cộng lũy kế SPS từ đầu năm			

CHỨNG TỪ GHI SỔ SỐ 303
NGÀY 31/12/N

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Khách hàng trả nợ	112NN	131	100,000,000	
Khách hàng trả nợ	112CT		100,000,000	
CỘNG			**200,000,000**	

SỔ TiỀN GỬI NGÂN HÀNG

Nơi mở TK: Ngân hàng công thương

Số TK tại nơi mở:

SHTK: 112CT

Chứng từ		Diễn giải	TKDU	Gửi vào	Rút ra	Còn lại
Ngày	**Số**					
		Số dư đầu kỳ				**50,000,000**
				-	-	50,000,000
				-	-	50,000,000
				-	-	50,000,000
				-	-	50,000,000
				-	-	50,000,000
				-	-	50,000,000
				-	-	50,000,000
				-	-	50,000,000
				-	-	50,000,000
				-	-	50,000,000
				-	-	50,000,000
20/12/N	GBN002	Rút TGNH về nhập quỹ	1111	-	90,000,000	(40,000,000)
				-	-	(40,000,000)
29/12/N	GBC0006	Khách hàng trả nợ	131	100,000,000	-	60,000,000
		Cộng số phát sinh		**100,000,000**	**90,000,000**	
		Số dư cuối kỳ				**60,000,000**

SỔ TiỀN GỬI NGÂN HÀNG

Nơi mở TK: Ngân hàng Nông nghiệp

Số TK tại nơi mở: **SHTK: 112CT**

Chứng từ		**Diễn giải**	**TKDU**	**Gửi vào**	**Rút ra**	**Còn lại**
Ngày	**Số**					
1	2	3	4	5	6	7
		Số dư đầu kỳ				**50,000,000**
20/12/N	GBN002	Rút TGNH về nhập quỹ	1111	-	90,000,000	(40,000,000)
29/12/N	GBC0006	Khách hàng trả nợ	131	100,000,000	-	60,000,000
		Cộng số phát sinh		**100,000,000**	**90,000,000**	
		Số dư cuối kỳ				**60,000,000**

For listenning!!

B. THỰC TIỄN CÔNG TÁC KIỂM TOÁN Ở VIỆT NAM

Quy trình KT quy định những ND cụ thể theo 4 bước:

I.Chuẩn bị kiểm toán

II.Thực hiện kiểm toán

III. Lập và gửi báo cáo kiểm toán

IV.Kiểm tra việc thực hiện kết luận, kiến nghị kiểm toán

I. KHÁI QUÁT VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KIỂM TOÁN:

MỌI TRƯỜNG HỢP CỦA TỔ CHỨC KIỂM TOÁN ĐỀU PHẢI THỰC HIỆN THEO 1 QUY TRÌNH CHUNG VỚI 3 GĐ CƠ BẢN SAU:

GĐ1

CHUẨN BỊ KIỂM TOÁN

GĐ2

THỰC HÀNH KT

GĐ3

KẾT THÚC KIỂM TOÁN

Wallcoo.com

1
Phản ánh chính xác, kịp thời những khoản thu, chi và tình hình tăn
2
Đánh giá ban đầu về hệ thống kiểm soát nội bộ
3
Xác định trọng yếu và rủi ro KT
4
Lập kế hoạch kiểm toán tổng thể
MaiL

1.Khảo sát và thu thập thông tin về đơn vị được kiểm toán

Thông tin về tổ chức hoạt động của đơn vị .

1.1Thu thập thông tin :

31

January 2007

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
	1	2	3	4	5	6
7	8	9	10	11	12	13
14	15	16	17	18	19	20
21	22	23	24	25	26	27
28	29	30	31			

Các thông tin về hệ thống kiểm soát nội bộ

a) Thông tin về tổ chức hoạt động của đơn vị

4

-Điều lệ tổ chức và hoạt động; Quy chế quản lý tài chính, tín dụng, các văn bản pháp quy khác có liên quan

3

-Đặc thù và phương thức hoạt động

2

-Mục tiêu hoạt động chủ yếu, chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức

1

- Quá trình hình thành và hoạt động của đơn vị

1.2 Phương pháp thu thập thông tin :

1. Nghiên cứu các hồ sơ kiểm toán trước đó (các năm trước)
2. Đề nghị tổ chức cung cấp bằng VB (files mềm) về KTNN
3. Trực tiếp tiếp xúc, PV, trao đổi với các nhà quản lý

中国原创动漫网 WWW.SOCKC.COM

4 ***Trực tiếp đến quan sát quá trình hoạt động kinh doanh***

5 ***Thông qua các cơ quan quản lý NN chuyên ngành,Hiệp hội***

6 ***Thông qua các kênh thông tin khác như mạng Internet, báo chí***

中国原创动漫网 WWW.SOCAC.COM

2. Đánh giá ban đầu về hệ thống KSNB

3. Xác định trọng yếu và rủi ro KT

3.1Trọng yếu KT

3.2 Rủi ro kiểm toán

HÌNH THỨC KẾ TOÁN NHẬT KÝ CHUNG

Nhật
Ký
Đặc biệt

Nhật
Ký

Sổ cái

Sổ cái

4. Lập kế hoạch kiểm toán tổng thể (tt)

4.5 KH nguồn nhân lực, thời gian, địa điểm KT

4.6 Tập huấn bồi dưỡng nvụ cho KTV và thu thập các tài liệu LP.

4.8 Tổ chức thông báo kế hoạch kiểm toán

4.7 Kinh phí kiểm toán và các điều kiện vật chất khác

II. THỰC HIỆN

KIỂM TOÁN:

Khi lập kế hoạch kiểm toán chi tiết cần lưu ý

Tuân thủ và nhất quán với Kế hoạch

Đặc thù về KD và phương thức hđộng

1. Những vấn đề có tính nguyên tắc khi thực hiện kiểm toán:

1.1 **Tính có thật về sự tồn tại các khoản mục BCTC cũng như các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ.**

1.2 **Quyền sở hữu và nghĩa vụ**

1.3 **Xác nhận sự đầy đủ**

1.4 Tính đúng đắn về thời gian của n.vụ phát sinh

1.5 Việc phân loại đúng đắn khi hạch toán

1.6 Đánh giá tài sản và sự phân bổ

1.7 Sự trình bày trên BCTC

wallcoo.com
中国原创动漫网 WWW.SOCAC.COM

2. Nội dung kiểm toán các đơn vị là các tổ chức tài chính, ngân hàng:

Trong quá trình thực hiện kiểm toán, KTV cần chú ý kiểm tra trước một số vấn đề sau:

2.1 Chế độ mở sổ và sử dụng TK kế toán :KTV cần nắm vững t.chất, nd các tk kế toán của hệ thống tk kt

2.2 Kế toán chi tiết và KT t hợp: KTV cần ktra qui trình HT và việc mở các loại sổ kt, có theo đúng qđ trong CĐKT hay không.

2.3 Chế độ c.từ kế toán đơn vị: KTV cần kiểm tra, để phát hiện các chứng từ không hợp lý, hợp lệ, hợp pháp

Phương pháp kiểm toán :

1

Ktra, đối chiếu sliệu giữa biên bản kkê tiền mặt ttế với số dư trênBCĐKT

2

KTV cần ksoát toàn bộ séc lĩnh tiền mặt đồng thời với việc kkê tmặt .

3

Đối với các chứng khoán (ctừ có giá): cách tiến hành ttựnhư các khoản tiền. .

4

Đối với các tK ngoại tệ, ngoài việc tiến hành ktra như đã nêu cần phải ttoán lại việc chuyển đổi sang đồng Việt Nam

3.2 Kiểm toán các khoản phải thu

MỤC ĐÍCH

Xđịnh mđộ đđủ các khoản dphòng với việc thua lỗ có thể xảy ra

Xđịnh những khoản mục này được trình bày trong BCTC

Bđảm các KPThu được thể hiện trên BCTC có knăng thu hồi được

Nội dung kiểm toán:

Các khoản ký quĩ, thế chấp, cầm cố, các khoản ttoán với NSNN

Các kpthu nội bộ, CF chờ phân bổ, các kpthu khác...

Xác nhận các khoản mục quan trọng

Công tác theo dõi thu hồi, xoá nợ hoặc các xử lý khác.

Ktra các kpthu của k.hàng gồm:

Wallcoo.Com

Phương pháp kiểm toán :

1. *Đối chiếu sliệu giữa BCTC, sổ ktoán t.hợp, sổ ktoán chi tiết và bản sao kê các kpthu*

2. *Xem xét nguồn gốc psinh các kpthu, qtrình xét duyệt để thu hồi*

3. *T.toán lại khoản pttoán với NSNN như t.ứng nộp NSNN, thuế GTGT đầu vào*

4. *Ktra các kpthu thực tế với các số DCK*

wallcoo.com
中国原创动漫网 WWW.SOCXC.COM

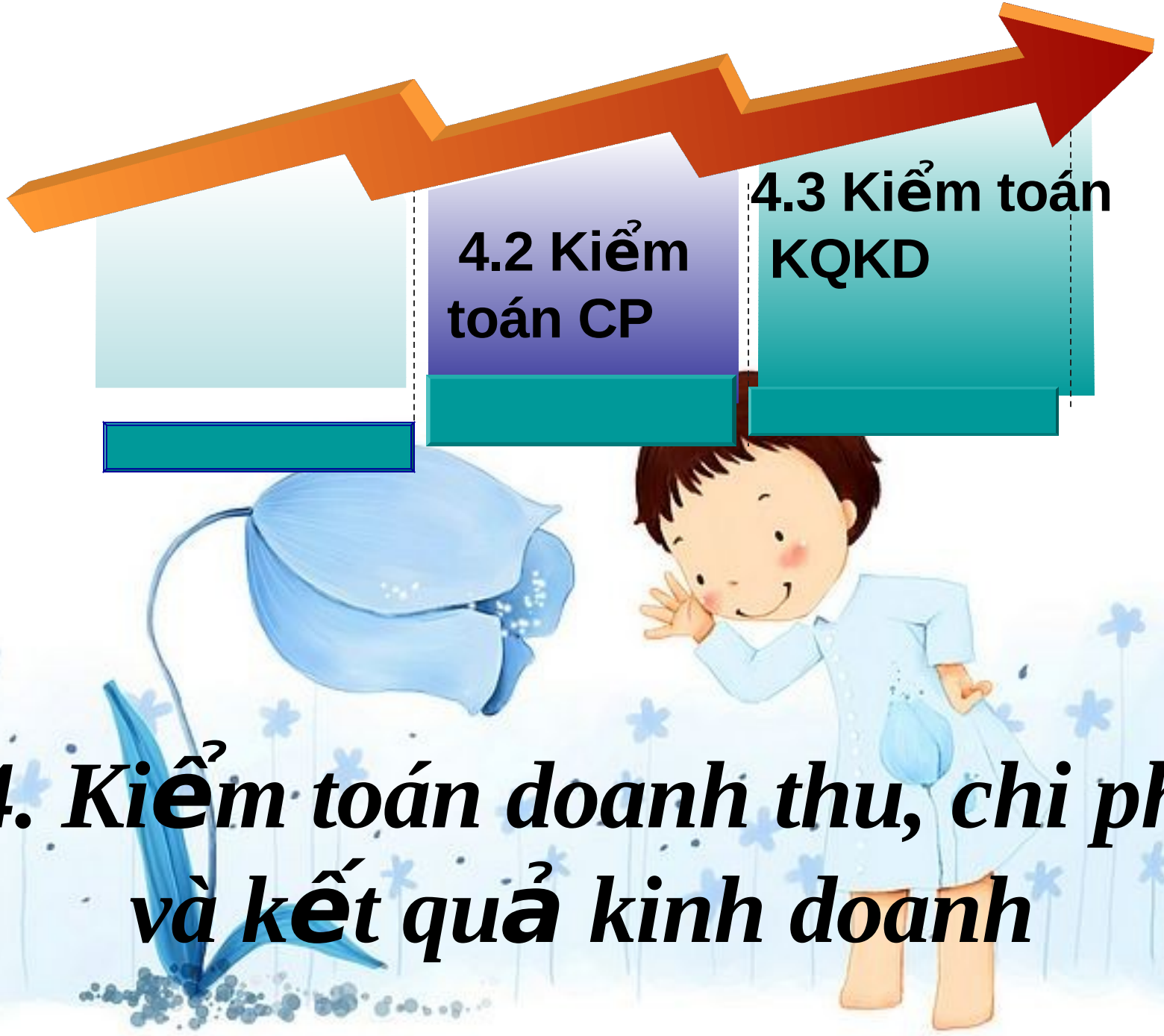

4. Kiểm toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh

4.1.Kiểm toán DT :

Kiểm toán DT đưa ra sự xnhận về DT trong năm tchính, có được đvị trình bày một cách kịp thời, đđủ, hợp lý và tthực trên BCTC hay không?

Nội dung kiểm toán :

Xác nhận tính kịp thời, đầy đủ, chính xác của các khoản thu

Thu nhập lãi và các kthu nhập ttự gồm: thu lãi cho vay; Thu từ nvụ bảo lãnh; Thu từ nvụ cho thuê tchính;

Các kthu về phí bhiểm, phí nhận tái bhiểm; hoa hồng nhượng tái bhiểm

Wallcoo.Com

Thu nhập từ hđ kd ngoại hối:
Thu từ tgia ttrường tiền tệ;
Thu từ KD ngoại hối…

Thu nhập từ hoạt động dịch vụ

Các kthu nhập khác: Thu nhập khác là những kthu nhập mà đvị không dự tính được

Phương pháp kiểm toán

- KTV phân chia tk thu nhập theo từng nvụ để ktra chi tiết từng nvụ
- KTV cần xxét các tk thu trong sổ kt và ghi nhận các sự khác biệt lớn giữa các tháng trong năm.
- Ktra tchất đúng đắn của việc htoán vào các tk theo qđịnh
- Ktoán về DT thường sử dụng PP chọn mẫu

KTV cần thu thập các biên bản quyết toán thuế của cơ quan thuế trong niên độ kế toán (được kiểm toán)

THU THẬP

KiỂM TRA

đối chiếu số liệu với

tài liệu tham khảo

4.2 Kiểm toán chi phí :

Mục đích kiểm toán

Ktoán CP để đưa ra sự xác nhận về các khoảnCP trong năm tài chính của đvị có được trình bày một cách đđủ,hợp lý và trung thực trên BCTC hay không?

Phương pháp kiểm toán:

- Ktra việc chấp hành qui chế tài chính của đvị
- Ktra việc chi trả lãi tiền gửi, tiền vay… (đối với các
- Ktra các khoản chi về bồi thường bảo hiểm
- Rà soát lại các khoản chi về nghiệp vụ ttoán và ngân quĩ
- Ktra việc cấp CP cho nhân viên

Các khoản chi về tài sản
6
Ktoán các khoản CP bất thường
7
10
Các khoản chi khác có hợp lý và tkiệm không? Có phù hợp với các chế độ qđịnh không?
9
Các khoản dự phòng đối với các DN bảo hiểm
8
Các khoản dự phòng đvới các ngân hàng

III. LẬP VÀ GỬI BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Phần mở đầu của BC kiểm toán

1

•Kết quả kiểm toán

2

•Kết luận và kiến nghị kiểm toán

3

1. Phần mở đầu của Báo cáo kiểm toán

- Tiêu đề của BC kiểm toán
- Căn cứ kiểm toán
- Nội dung kiểm toán
- Phạm vi và g. hạn kiểm toán
- Các công việc đoàn KT đã thực hiện

01

các chỉ tiêu trên BCTC được KT

02

Trình bày các phát hiện KT mang tính trọng yếu

2. KẾT QU
KIỂM TO

03

Nxét và đgiá về hquả sử dụng TS, NV và hiệu quả hđ của đvị.

3.Kết luận và kiến nghị kiểm toán :

1 * Với đơn vị được kiểm toán

2 * Với cơ quan quản lý cấp trên

3 * Với Quốc hội, Chính phủ (nếu có)

4 * Với các cơ quan quản lý NN (các bộ, ngành)

IV. KIỂM TRA VIỆC THỰC HIỆN KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ KIỂM TOÁN

1. Theo dõi việc t.hiện k.luận, kiến nghị KT
2. Lập KH k.tra và t.báo cho đvị được KT
3. Tiến hành ktra t.hiện k.luận, k.nghị KT
4. BC tổng hợp kquả t.hiện k.nghị KT

thank you for listening!!